

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 154/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 8 - 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Thiện

2. Ông Nguyễn Văn Sâm

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Ông Vũ Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 về "tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đỗ Ngọc T, sinh năm 1985, địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1986, địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là anh Đỗ Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đỗ Thị H qua tìm hiểu, tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục và đăng ký kết hôn tại UBND xã X vào ngày 08/9/2022. Sau khi kết hôn vợ chồng chỉ chung sống với nhau hòa

thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do giữa vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình, nên thường xuyên xảy ra cãi vã, hôn nhân không có hạnh phúc. Anh thì đi làm ngoài Hà Nội, còn chị H đi làm trong tỉnh Bình Dương, nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, từ đầu năm 2023 vợ chồng đã ly thân. Nay anh xác định không còn tình cảm vợ chồng, nên đề nghị giải quyết xin được ly hôn.

Về con chung: Anh T xác định vợ chồng không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Anh T xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Đỗ Thị H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án làm việc, vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, nên Tòa án không lấy được lời khai.

Tại biên bản xác minh lập ngày 30/5/2024, đại diện UBND xã X cho biết: Anh Đỗ Ngọc T và chị Đỗ Thị H có quan hệ là vợ chồng, đăng ký kết hôn tại UBND xã X vào ngày 08/9/2022. Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng địa phương không nắm bắt được. Hiện tại vợ chồng đã ly thân.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, như sau:

I. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự; không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích của mình, không chấp hành các quyết định của Tòa án, không có mặt theo triệu tập của Tòa án.

II. Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đỗ Ngọc T, xử cho anh Đỗ Ngọc T được ly hôn với chị Đỗ Thị H.

2 Về án phí: Buộc anh Đỗ Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đỗ Ngọc T khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với chị Đỗ Thị H, cư trú tại: Thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Đỗ Thị H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; nguyên đơn là anh Đỗ Ngọc T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Đỗ Ngọc T và chị Đỗ Thị H là hôn nhân hợp pháp, anh chị tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã X cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/9/2022. Trong quá trình vợ chồng chung sống với nhau, tình cảm vợ chồng chỉ hòa thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn, đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình, nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Từ đầu năm 2023 vợ chồng đã sống ly thân đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, anh T một mực đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn, còn chị H mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, biết được Tòa án đang thụ lý giải quyết quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng, nhưng không đến Tòa án làm việc để trình bày quan điểm, cũng như tham gia các phiên hòa giải và phiên tòa, điều đó thể hiện chị H không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng. Do đó, có đủ cơ sở xác định: Quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của anh T, xử cho anh Đỗ Ngọc T được ly hôn với chị Đỗ Thị H.

[3] Về con chung: Anh Đỗ Ngọc T và chị Đỗ Thị H không có con chung. Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị Đỗ Thị H không có lời khai trong hồ sơ. Do đó, không xem xét.

[4] Về phân tài sản và công nợ: Anh Đỗ Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị Đỗ Thị H không có lời khai trong hồ sơ. Do đó, không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Đỗ Ngọc T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo

quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. *Về hôn nhân:* Xử cho anh Đỗ Ngọc T được ly hôn với chị Đỗ Thị H.
 2. *Về con chung:* Anh Đỗ Ngọc T và chị Đỗ Thị H không có con chung. Do đó, không xem xét.
 3. *Về tài sản và công nợ:* Không xem xét.
 4. *Về án phí:* Anh Đỗ Ngọc T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, anh T đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005075 ngày 26/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Như vậy, anh Đỗ Ngọc T đã nộp đủ tiền án phí.
- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.
5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã Xuân Hòa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Minh Tiến